

Bản án số: 102/2024/DS-ST

Ngày: 02/8/2024

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền;

2. Ông Mai Huy Mân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Quốc Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 274/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1983, (có mặt);

Địa chỉ thường trú: Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Công V, sinh năm 1984, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 06/6/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Minh H trình bày:**

Anh là hụi viên có tham gia góp hụi do anh Phạm Công V làm đầu thảo, trong danh sách hụi anh Văn g tên anh là H, cụ thể các dây hụi như sau:

- Dây hụi thứ 1, hụi mùa vụ 2, anh V ghi dây hụi này là dây hụi số 11 (Một năm khai 04 mùa), hụi khai ngày 20/5/2018 (âm lịch), mỗi phần hụi trị giá 3.000.000 đồng, hụi sống đóng 2.000.000 đồng, hụi chết đóng 3.000.000 đồng, tiền đầu thảo là 1.000.000 đồng. Dây hụi này gồm 20 phần, anh tham gia 01 phần. Anh đã đóng được 12 kỳ hụi sống thì anh Văn n không khai hụi nữa cho đến nay. Trong dây hụi này anh V nợ anh số tiền hụi là 24.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ 2, hụi mùa vụ 2, anh V ghi dây hụi này là dây hụi số 12

(Một năm khai 04 mùa), hội khai ngày 20/5/2018 (âm lịch), mỗi phần hội trị giá 3.000.000 đồng, hội sống đóng 2.000.000 đồng, hội chết đóng 3.000.000 đồng, tiền đầu thảo là 1.000.000 đồng. Dây hội này gồm 20 phần, anh tham gia 01 phần. Anh đã đóng được 12 kỳ hội sống thì anh **Văn n** không khai hội nữa cho đến nay. Trong dây hội này anh **V** nợ anh số tiền hội là 24.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 3, hội mùa vụ 3, anh **V** ghi dây hội này là dây hội số 13 (Một năm khai 04 mùa), hội khai ngày 20/8/2018 (âm lịch), mỗi phần hội trị giá 5.000.000 đồng, hội sống đóng 3.500.000 đồng, hội chết đóng 5.000.000 đồng, tiền đầu thảo là 1.500.000 đồng. Dây hội này gồm 21 phần, anh tham gia 01 phần. Anh đã đóng được 11 kỳ hội sống thì anh **Văn n** không khai hội nữa cho đến nay. Trong dây hội này anh **V** nợ anh số tiền hội là 38.500.000 đồng.

- Dây hội thứ 4, **H1** vụ mùa đông xuân 2019, anh **V** ghi dây hội này là dây hội số 14, hội khai ngày 20/02/2019 (âm lịch), mỗi phần hội trị giá 5.000.000 đồng, hội sống đóng 3.500.000 đồng, hội chết đóng 5.000.000 đồng, tiền đầu thảo là 1.500.000 đồng. Dây hội này gồm 21 phần, anh tham gia 01 phần. Anh đã đóng được 09 kỳ hội sống thì anh **Văn n** không khai hội nữa cho đến nay. Trong dây hội này anh **V** nợ anh số tiền hội là 31.500.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng 04 dây hội trên anh **V** còn nợ anh số tiền là 118.000.000 đồng. Sau đó, anh **V** có trả cho anh được 14.000.000 đồng, còn lại 104.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi đối chiếu lại số nợ với anh **V** thì anh **V** còn nợ lại anh số tiền cụ thể như sau: Dây hội thứ 1 khai ngày 20/5/2018 âm lịch, anh **V** còn nợ anh **I** kỳ hội sống là 22.000.000 đồng; Dây hội thứ 2 khai ngày 20/5/2018 âm lịch, anh **V** còn nợ anh **I** kỳ hội sống là 22.000.000 đồng; Dây hội thứ 3 khai ngày 20/8/2018 âm lịch, anh **V** còn nợ anh **II** kỳ hội sống là 35.000.000 đồng; Dây hội thứ 4, khai ngày 20/02/2019 âm lịch, anh **V** còn nợ anh **0** kỳ hội sống là 28.000.000 đồng.

Do đó, anh có xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, anh xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hội là 11.000.000 đồng. Nay anh chỉ khởi kiện yêu cầu anh **Phạm Công V** phải trả cho anh số tiền nợ hội là 93.000.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

*** Theo bản tự khai ngày 16/7/2024, biên bản hòa giải ngày 16/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Công V trình bày:**

Anh **Nguyễn Minh H** có tham gia 04 dây hội do anh làm đầu thảo như lời trình bày của anh **H** là đúng. Tuy nhiên, số kỳ hội mà anh **H** đóng cho anh cụ thể như sau:

- Dây hội thứ 1, hội mùa vụ 2, hội khai ngày 20/5/2018 (âm lịch), mỗi phần hội trị giá 3.000.000 đồng, hội sống đóng 2.000.000 đồng, hội chết đóng 3.000.000 đồng, tiền đầu thảo là 1.000.000 đồng. Dây hội này anh **H** đã đóng được 11 kỳ thì anh ngưng hội cho đến nay. Trong dây hội này anh còn nợ anh **H** 22.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 2, hội mùa vụ 2, hội khai ngày 20/5/2018 (âm lịch), mỗi phần hội trị giá 3.000.000 đồng, hội sống đóng 2.000.000 đồng, hội chết đóng 3.000.000 đồng, tiền đầu thảo là 1.000.000 đồng. Dây hội này anh **H** đã đóng được 11 kỳ thì anh ngưng hội cho đến nay. Trong dây hội này anh còn nợ anh **H** 22.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 3, hội mùa vụ 3, hội khai ngày 20/8/2018 (âm lịch), mỗi phần hội trị giá 5.000.000 đồng, hội sống đóng 3.500.000 đồng, hội chết đóng 5.000.000 đồng, tiền đầu thảo là 1.500.000 đồng. Dây hội này anh **H** đã đóng được 10 kỳ thì anh ngưng hội cho đến nay. Trong dây hội này anh còn nợ anh **H** 35.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 4, **H1** vụ mùa đông xuân 2019, hội khai ngày 20/02/2019 (âm lịch), mỗi phần hội trị giá 5.000.000 đồng, hội sống đóng 3.500.000 đồng, hội chết đóng 5.000.000 đồng, tiền đầu thảo là 1.500.000 đồng. Dây hội này anh **H** đã đóng được 08 kỳ thì anh ngưng hội cho đến nay. Trong dây hội này anh còn nợ anh **H** 28.000.000 đồng.

Anh xác định số tiền hội mà anh còn nợ anh **Nguyễn Minh H** là 93.000.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên anh xin trả dần cho anh **H** mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 93.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh **H** tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 11.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Minh H** về việc yêu cầu anh **Phạm Công V** trả số tiền 11.000.000 đồng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh **Nguyễn Minh H** yêu cầu bị đơn anh **Phạm Công V** trả số tiền hội, anh **Phạm Công V** có địa chỉ tại **ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang**. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hội”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung vụ án:

3.1. Xét giao dịch dân sự về việc tham gia góp hội giữa anh **H** với anh **V** có lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo

đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật, được hai bên thống nhất thừa nhận nên Hội đồng xét xử công nhận.

3.2. Xét thấy nguyên đơn anh **H** khởi kiện yêu cầu bị đơn anh **V** trả số tiền nợ hui là có căn cứ bởi: Trong giao dịch góp hui trên, anh **H** là hui viên đã thực hiện góp hui theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường. Tại phiên tòa, anh **V** thống nhất với anh **H** về số kỳ hui mà anh **H** đã đóng cho anh **V** và hiện anh còn nợ anh **H** số tiền của 04 dây hui trên là 93.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh **V** xin trả dần mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 93.000.000 đồng. Điều này không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

Do đó, căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh **V** phải hoàn trả lại cho anh **H** số tiền đã góp hui là 93.000.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, khoản 3 Điều 428; Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 16, Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Minh H** về việc yêu cầu anh **Phạm Công V** trả số tiền 11.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh H.

Buộc anh Phạm Công V phải trả cho anh Nguyễn Minh H số tiền nợ hụi là 93.000.000 đ (Chín mươi ba triệu đồng), ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Nguyễn Minh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phạm Công V chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Anh Phạm Công V phải chịu 4.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn lại cho anh Nguyễn Minh H số tiền 2.600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002842 ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Nhanh